

Địa chỉ: Số 5/200, Đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TỔNG HỢP)

6 tháng đầu năm 2016

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 30/06/2016	Số đầu năm 01/01/2016
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		159.371.815.138	170.839.139.201
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	62.840.120.193	57.003.216.140
1. Tiền	111		36.335.297.967	29.628.393.914
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.504.822.226	27.374.822.226
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.107.922.529	93.124.486.686
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	55.973.456.300	68.154.813.877
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.289.106.261	7.365.924.595
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	5.845.359.968	17.603.748.214
IV. Hàng tồn kho	140		26.352.597.128	19.903.812.768
1. Hàng tồn kho	141	7	26.549.252.977	20.100.468.617
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(196.655.849)	(196.655.849)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.071.175.288	807.623.607
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	709.238.593	445.686.912
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	13	361.936.695	361.936.695
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187.499.696.974	194.612.536.811
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Phải thu dài hạn khác	216	6	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		169.206.265.572	160.486.573.398
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	164.272.425.972	154.812.892.077
- Nguyên giá	222		480.126.614.562	453.091.840.975
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(315.854.188.590)	(298.278.948.898)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	4.933.839.600	5.673.681.321
- Nguyên giá	228		8.770.310.249	8.770.310.249
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.836.470.649)	(3.096.628.928)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.708.220.946	28.935.134.703
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	8	12.708.220.946	28.935.134.703

Ông Thị Thu Huyền

Người lập biểu

Nguyễn Như Thành

Kế toán trưởng



Se Tròn Think

Lập, ngày 14 tháng 07 năm 2016
Giám đốc

V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			5.575.210.456	5.180.828.710
VI. Tài sản dài hạn khác	260			2.007.416.694	1.595.726.381
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9		3.567.793.762	3.585.102.329
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263				
3. Tài sản dài hạn khác	268				
Tổng công tài sản (270=100+200)	270			346.871.512.112	365.451.676.012
C. NỢ PHẢI TRẢ	300			58.237.586.747	88.437.710.909
I. Nợ ngắn hạn	310			36.941.317.406	65.703.062.002
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12		6.855.848.120	11.820.169.316
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			5.863.753.180	9.810.121.711
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13		4.494.334.715	5.602.348.373
4. Phải trả người lao động	314			13.142.699.952	25.871.419.645
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14		2.359.046.086	5.969.521.021
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15		450.375.623	1.654.954.368
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16		785.252.816	625.168.445
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			2.990.006.914	4.349.359.123
II. Nợ dài hạn	330			21.296.269.341	22.734.648.907
1. Phải trả người bán dài hạn	331				
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			16.791.150.432	17.959.054.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	16		37.522.859	202.249.490
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			4.467.596.050	4.573.345.417
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	17		288.633.925.365	277.013.965.103
I. Vốn chủ sở hữu	410			288.633.925.365	277.013.965.103
1. Vốn góp của Chủ sở hữu	411			276.488.165.045	268.480.379.243
2. Quỹ đầu tư phát triển	418			5.985.272.846	7.259.718.296
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			6.160.487.474	1.273.867.564
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			525.800.058	53.541.357
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b			5.634.687.416	1.220.326.207
Tổng công nguồn vốn (440=300+400)				346.871.512.112	365.451.676.012

Địa chỉ: Số 5/200, Đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ - TỔNG HỢP (Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		131.097.257.286	88.915.661.433
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(33.902.528.338)	(43.710.835.979)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(45.790.305.122)	(41.741.585.647)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(4.890.532.767)	(3.106.740.903)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		18.293.640.328	11.749.020.614
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(48.518.786.915)	(40.746.355.414)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.288.744.472	(28.640.835.896)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		(11.009.197.602)	(6.338.015.498)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		(5.272.728)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		591.379.203	951.690.452
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.423.091.127)	(5.386.325.046)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		5.865.653.345	(34.027.160.942)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		57.003.216.140	78.553.220.819
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(28.749.292)	117.251.564
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70= 50+60+61)	70		62.840.120.193	44.643.311.441

Người lập biểu



Uông Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Như Thành

Lập, ngày 11 tháng 07 năm 2016

Giám đốc



Lê Kiến Chính

Địa chỉ: Số 5/200, Đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TỔNG HỢP)
(Dạng đầy đủ)
6 tháng đầu năm 2016

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	113.924.912.675	85.062.755.524
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		113.924.912.675	85.062.755.524
4	Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	20	69.858.331.156	52.604.218.749
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		44.066.581.519	32.458.536.775
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	601.548.663	1.470.452.591
7	Chi phí tài chính	22	22	127.818.052	40.305.218
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8	Chi phí bán hàng	25		-	3.065.000
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		18.962.721.180	16.910.244.524
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ((30=20+(21-22)-(25+26))	30		25.577.590.950	16.975.374.624
11	Thu nhập khác	31	23	70.483.500	1.580.173.120
12	Chi phí khác	32	24	302.287.325	8.486.220
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(231.803.825)	1.571.686.900
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.345.787.125	18.547.061.524
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	5.394.877.637	4.192.987.777
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		19.950.909.488	14.354.073.747

Lập, ngày 14 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Uông Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Như Thành

Giám đốc



S. Tiến Thịnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TỔNG HỢP)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104831665 cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 08 năm 2010 và Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 5 vào ngày 03 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 279.084.000.000 đồng.

Tổng số lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30/06/2016 là 377 người (tại ngày 30/06/2015 là 370 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, chi đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê tài sản trên đất, cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh; Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động; (chỉ hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép, không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn quản lý chi phí hạng 2: *Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Xác định chỉ tiêu xuất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chi số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; (không bao gồm các hoạt động: lập, thẩm tra tổng mức đầu tư; đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm soát chi phí xây dựng công trình đối với các dự án trọng điểm quốc gia).*
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính;
- Lập trình máy vi tính;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI
CHÍNH (TỔNG HỢP)**

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động viễn thông không dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông có dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồng hồ;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các kết cấu kiện kim loại;
- Công thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí);

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI
CHÍNH (TỔNG HỢP)**

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính đặt tại số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Công ty có hai (02) đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và Xí nghiệp chế tạo thiết bị hàng không. Chi nhánh được thành lập theo Quyết định số 107/QĐ-KTQLB ngày 09/02/2011 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01/04/2012). Xí nghiệp được thành lập theo Quyết định số 502/QĐ-CTCT ngày 28/10/2014 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01/01/2015)

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Vì vậy, thông tin trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 so sánh được với thông tin trên báo cáo tài chính năm 2015.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2016 bao gồm:

- Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam (Công ty mẹ).
- Công ty Quản lý bay Miền Bắc: là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.
- Công ty Quản lý bay Miền Trung: là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.
- Công ty Quản lý bay Miền Nam: là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.
- Trung tâm Hiệp đồng điều hành quản lý bay: là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI
CHÍNH (TỔNG HỢP)**

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập tại ngày 31/12.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với những tài sản Công ty nhận từ Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam để bổ sung vốn điều lệ thì Công ty thực hiện trích khấu hao dựa trên giá trị còn lại và thời gian sử dụng còn lại. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	<i>Thời gian khấu hao(Số năm)</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	03-15
Thiết bị văn phòng	03-08
Phương tiện vận tải	06-10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, tài sản cố định vô hình khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

Số 5/200 đường Nguyễn Sơn,
phường Bồ Đề
quận Long Biên, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
06 tháng đầu năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI
CHÍNH (TỔNG HỢP)****MẪU SỐ B 09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí phải trả

Tại ngày 30/06/2016, Công ty đang tạm hạch toán một số chi phí chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ như: Chi tiền điện, nước, phí duy trì hoạt động Quý 2/2016 của Trụ sở công ty, tiền trang phục ngành, cước thuê đường truyền, thuê cơ sở hạ tầng...

Cơ sở xác định giá trị của những khoản chi phí trên:

Đối với chi phí điện, nước, phí duy trì hoạt động Quý 2/2016 của Trụ sở Công ty: tạm ghi nhận bằng chi phí Quý 2/2015;

Chi phí trang phục ngành: Căn cứ vào số liệu của kế hoạch năm 2016 đã được phê duyệt, tính cho 6 tháng đầu năm 2016.

Chi phí thuê đường truyền, thuê cơ sở hạ tầng cho các trạm: Căn cứ vào các hợp đồng đang thực hiện để ghi nhận chi phí.

Tiền thuê đất: Căn cứ vào số tiền đã thực nộp vào Ngân sách Nhà nước, tính cho 6 tháng đầu năm 2016...

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.

Tại ngày 30/06/2016 Công ty đã ghi tăng vốn góp của Chủ sở hữu số tiền: 8.007.785.802 từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển 2015: 7.259.718.296 và từ lợi nhuận còn lại năm 2015 (sau khi trừ khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2015): 748.067.506. Theo đó, tại ngày 30/6/2016 Vốn góp của Chủ sở hữu là 276.488.165.045.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI
CHÍNH (TỔNG HỢP)**

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo tài chính (bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm) được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để phân phối các quỹ

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	190.660.469	219.303.940
Tiền gửi ngân hàng	36.144.637.498	29.409.089.974
Các khoản tương đương tiền	26.504.822.226	27.374.822.226
Cộng	<u>62.840.120.193</u>	<u>57.003.216.140</u>

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn một tháng.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<i>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>		
Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam	47.389.775.887	44.997.824.905
Công ty TNHH Tân Thế Kỷ		1.168.750.000
Ban Quản lý các dự án cầu Hải Phòng	8.113.099.708	8.127.833.658
Quân chủng phòng không không quân	415.530.705	12.142.919.705
Công ty Selex Systems Integration Inc		1.366.235.160
Đối tượng khác	55.050.000	351.250.449
Cộng	<u>55.973.456.300</u>	<u>68.154.813.877</u>
<i>b. Phải thu khách hàng dài hạn</i>	-	-

Phải thu với các bên liên quan được trình bày ở mục 26

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAYSố 5/200 đường Nguyễn Sơn,
phường Bồ Đề
quận Long Biên, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**
06 tháng đầu năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI
CHÍNH (TỔNG HỢP)****MẪU SỐ B 09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<i>a. Ngắn hạn</i>		
Ký cược, ký quỹ	3.348.716.769	16.143.545.586
Cho mượn	17.123.915	44.750.642
Các khoản Công ty chi hộ	2.934.613	2.347.521
Tạm ứng	1.891.476.082	1.049.881.985
CP phục vụ khảo sát các DA chuẩn bị đầu tư	202.456.778	176.929.722
Phải thu khác	382.651.811	186.292.758
Cộng	5.845.359.968	17.603.748.214
<i>a. Dài hạn</i>		
	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	10.000.000
Cộng	10.000.000	10.000.000

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.076.529.453	187.185.452	4.044.822.337	187.185.452
Công cụ, dụng cụ;	211.608.369	9.470.397	185.343.310	9.470.397
CP sản xuất kinh doanh dở dang	21.880.338.327	-	15.459.604.027	-
Thành phẩm	362.281.793	-	392.203.908	-
Hàng hóa	18.495.035	-	18495035	-
Cộng	26.549.252.977	196.655.849	20.100.468.617	196.655.849

8. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Đầu tư và khai thác các trạm VHF/VSAT Trường Sa Lớn và Song Tử Tây	416.092.729	25.642.396.081
- Đầu tư xây dựng phần mềm AMHS cơ bản và hệ thống dự phòng	1.415.572.920	1.415.572.920
- Đầu tư cơ sở làm việc của Công ty TNHH KTQLB tại 58 TS	872.243.223	691.915.725
- Đầu tư và khai thác trạm ADS-B khu vực phía bắc	114.372.632	30.803.541
- Đầu tư đài dẫn đường VOR/DME Tuy Hòa	9.646.259.491	-
- Đầu tư đài dẫn đường Rạch Giá	144.063.404	-
- Cải tạo, sửa chữa Xưởng Cơ khí và Xưởng Sơn Tĩnh điện	-	586.035.468
- Các dự án khác	99.616.547	568.410.968
Cộng	12.708.220.946	28.935.134.703

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI
CHÍNH (TỔNG HỢP)**

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<i>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	709.238.593	445.686.912
<i>b. Chi phí trả trước dài hạn</i>	2.007.416.694	1.595.726.381
Cộng	<u>2.716.655.287</u>	<u>2.041.413.293</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

Số 5/200 đường Nguyễn Sơn,
phường Bồ Đề
quận Long Biên, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
06 tháng đầu năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)**MẪU SỐ B 09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCD khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCD hữu hình						
Tại thời điểm 01/01/2016	78.859.317.150	366.006.833.566	6.927.682.551	1.298.007.708		453.091.840.975
- Tăng trong năm						
+ Mua sắm mới		40.022.400		43.636.364		83.658.764
+ DT XDCB hoàn thành		27.263.418.697				27.263.418.697
+ Tăng do nhận bàn giao						0
+ Tăng khác		92.895.000				92.895.000
- Giảm trong năm						
+ Giảm khác						0
+ Giảm DT XDCB hoàn thành						0
+ Giảm do nhận bàn giao						0
+ Giảm do bán thanh lý		(405.198.874)				(405.198.874)
Số dư tại thời điểm 30/06/2016	78.859.317.150	392.997.970.789	6.927.682.551	1.341.644.072		480.126.614.562
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại thời điểm 01/01/2016	33.149.010.792	258.414.099.446	5.774.472.185	941.366.475		298.278.948.898
+ Khấu hao trong kỳ	2.872.572.157	14.779.588.697	230.906.495	70.003.202		17.953.070.551
+ Tăng khác						0
+ Giảm khác						0
+ Giảm do thanh lý		(377.830.859)				(377.830.859)
Số dư tại thời điểm 30/06/2016	36.021.582.949	272.815.857.284	6.005.378.680	1.011.369.677		315.854.188.590
Giá trị còn lại của TSCD III						
Tại thời điểm 01/01/2016	45.710.306.358	107.592.734.120	1.153.210.366	356.641.233		154.812.892.077
Số dư tại thời điểm 30/06/2016	42.837.734.201	120.182.113.505	922.303.871	330.274.395		164.272.425.972

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

Số 5/200 đường Nguyễn Sơn,
phường Bồ Đề
quận Long Biên, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
06 tháng đầu năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI
CHÍNH (TỔNG HỢP)**

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá tài sản hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 của Công ty là 165.366.510.407 đồng .
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý là 1.028.174.632 đồng.

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAYSố 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề
quận Long Biên, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**
06 tháng năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)****MẪU SỐ B 09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH****Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá tài sản cố định vô hình			
Tại thời điểm 01/01/2016	151.520.000	8.618.790.249	8.770.310.249
+ Mua trong năm			
+ ĐT XDCB hoàn thành			0
+ Tăng khác			0
+ Giảm khác			0
Số dư tại thời điểm 30/06/2016	151.520.000	8.618.790.249	8.770.310.249
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại thời điểm 01/01/2016	105.767.867	2.990.861.061	3.096.628.928
+ Khấu hao trong kỳ	15.292.227	724.549.494	739.841.721
+ Tăng khác			
+ Giảm khác			
Số dư tại thời điểm 30/06/2016	121.060.094	3.715.410.555	3.836.470.649
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Tại thời điểm 01/01/2016	45.752.133	5.627.929.188	5.673.681.321
Số dư tại thời điểm 30/06/2016	30.459.906	4.903.379.694	4.933.839.600

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.836.419.985 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>a) Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty cổ phần ACC 245	5.291.802.425	5.291.802.425	5.291.802.425	5.291.802.425
Công ty TNHH công nghệ DICOM	846.970.855	846.970.855	5.038.050.462	5.038.050.462
Đối tượng khác	717.074.840	717.074.840	1.490.316.429	1.490.316.429
<i>b) Phải trả người bán dài hạn</i>				
Cộng	6.855.848.120	6.855.848.120	11.820.169.316	11.820.169.316

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016 VND	Phát sinh GT đầu năm 2016		30/06/2016 VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
<i>a) Phải nộp</i>				
- Thuế GTGT phải nộp	4.902.023.384	6.877.786.071	8.644.220.025	3.135.589.430
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		806.504.602	806.504.602	
- Thuế xuất, nhập khẩu		751.006	751.006	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	672.790.763	5.545.111.274	4.890.532.767	1.327.369.270
- Tiền thuê đất		563.355.936	563.355.936	
- Thuế môn bài		5.000.000	5.000.000	
- Thuế thu nhập cá nhân	27.534.226	1.959.779.641	1.955.937.852	31.376.015
- Thuế nộp thay nhà thầu		1.788.767.600	1.788.767.600	
Cộng	5.602.348.373	17.547.056.130	18.655.069.788	4.494.334.715
<i>b) Phải thu</i>				
- Thuế GTGT được khấu trừ	361.936.695	0		361.936.695
Cộng	361.936.695	-	-	361.936.695

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn	1.962.771.763	1.962.771.763	2.469.757.257	2.469.757.257
Trích trước tiền ăn ca, ăn định lượng, phụ cấp đảng ...	396.274.323	396.274.323	401.798.671	401.798.671
Trích trước chi phí để nhập kho		-	2.986.687.044	2.986.687.044
Đối tượng khác		-	111.278.049	111.278.049
Cộng	2.359.046.086	2.359.046.086	5.969.521.021	5.969.521.021

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAYSố 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề
quận Long Biên, TP. Hà NộiBáo cáo tài chính
06 tháng năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)****MẪU SỐ B 09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.423.410	1.423.410	1.423.410	1.423.410
Kinh phí công đoàn	44.087.258	44.087.258	28.885.592	28.885.592
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế		-		-
Bảo hiểm thất nghiệp		-		-
Nhận ký quỹ, ký cược	79.246.528	79.246.528	104.641.528	104.641.528
Các khoản phải trả, phải nộp khác	325.618.427	325.618.427	1.520.003.838	1.520.003.838
Cộng	450.375.623	450.375.623	1.654.954.368	1.654.954.368

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>a. Dự phòng phải trả ngắn hạn</i>				
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	785.252.816	785.252.816	625.168.445	625.168.445
Cộng	785.252.816	785.252.816	625.168.445	625.168.445
<i>b. Dự phòng phải trả dài hạn</i>				
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	37.522.859	37.522.859	202.249.490	202.249.490
Cộng	37.522.859	37.522.859	202.249.490	202.249.490
Cộng ngắn hạn, dài hạn	822.775.675	822.775.675	827.417.935	827.417.935

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

Số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề

quận Long Biên, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
06 tháng đầu năm 2016

MẪU SỐ B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối		Quy đầu tư phát		Lợi nhuận		Tổng cộng	
	đổi		trên		chưa phân phối					
Tại ngày 01/01/2015	260.627.726,592	6.206.910,053	696.130,390	24.671.319,689	267.530.767,035	24.671.319,689	696.130,390	1.220.173,592	1.220.173,592	267.530.767,035
- Lãi trong năm										
- Tăng vốn điều lệ do nhận điều chuyển tài sản từ	1.220.173,592									
Tổng công ty										
- Tăng vốn điều lệ bổ sung từ Quỹ DTP	6.206.910,053		(6.206.910,053)							
- Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế	425.569,006		(425.569,006)							
- Tăng khác	556.562,253									
- Giảm khác	(556.562,253)									
- Trích lập các quỹ trong năm										
Tại ngày 31/12/2015	268.480.379,243	7.259.718,296	7.259.718,296	(23.450.993,482)	272.007,362	24.671.319,689	696.130,390	1.220.173,592	1.220.173,592	267.530.767,035
- Lãi trong năm										
- Tăng vốn điều lệ do nhận điều chuyển tài sản từ										
Tổng công ty										
- Tăng vốn điều lệ bổ sung từ Quỹ DTP	6.206.910,053		(6.206.910,053)							
- Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế	425.569,006		(425.569,006)							
- Tăng khác	556.562,253									
- Giảm khác	(556.562,253)									
- Trích lập các quỹ trong năm										
Tại ngày 31/12/2016	276.488.165,045	7.259.718,296	7.259.718,296	(23.450.993,482)	272.007,362	24.671.319,689	696.130,390	1.220.173,592	1.220.173,592	267.530.767,035
- Lãi trong 6 tháng đầu năm 2016										
- Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế 2015	748.067,506		(748.067,506)							
- Tăng vốn điều lệ bổ sung từ Quỹ DTP	7.259.718,296		(7.259.718,296)							
- Tăng khác	34.218,134									
- Giảm khác	(34.218,134)									
- Trích lập các quỹ trong năm	0									
Tại ngày 30/06/2016	276.488.165,045	5.985.272,846	5.985.272,846	(14.316.222,072)	288.633,925,365	24.671.319,689	696.130,390	1.220.173,592	1.220.173,592	267.530.767,035

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	506.188,65	150.062,55
- EUR	6.811,65	6.824,85

19. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>6T đầu năm 2016</u>	<u>6T đầu năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	7.697.292.908	3.985.521.905
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	106.227.619.767	81.077.233.619
Tổng	113.924.912.675	85.062.755.524
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần và bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.924.912.675	85.062.755.524

Doanh thu đối với các bên liên quan được trình bày chi tiết tại mục 26

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>6T đầu năm 2016</u>	<u>6T đầu năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	4.650.738.841	2.699.880.823
Giá vốn cung cấp dịch vụ	65.207.592.315	49.904.337.926
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	69.858.331.156	52.604.218.749

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>6T đầu năm 2016</u>	<u>6T đầu năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	592.599.999	952.850.438
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.948.664	517.602.153
Cộng	601.548.663	1.470.452.591

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>6T đầu năm 2016</u>	<u>6T đầu năm 2015</u>
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	127.818.052	40.305.218
Cộng	127.818.052	40.305.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

23. THU NHẬP KHÁC

	<u>6T đầu năm 2016</u>	<u>6T đầu năm 2015</u>
	VND	VND
Thanh lý tài sản		
Tiền phạt thu được		157.230.909
Thu tiền được bồi thường BHTS		1.390.690.480
Các khoản khác	70.483.500	32.251.731
Cộng	<u>70.483.500</u>	<u>1.580.173.120</u>

24. CHI PHÍ KHÁC

	<u>6T đầu năm 2016</u>	<u>6T đầu năm 2015</u>
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và CP thanh lý	14.788.799	
Bị phạt thuế, truy thu thuế	213.058.001	
Các khoản khác	74.440.525	8.486.220
Cộng	<u>302.287.325</u>	<u>8.486.220</u>

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>6T đầu năm 2016</u>	<u>6T đầu năm 2015</u>
	VND	VND
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	25.345.787.125	18.547.061.524
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>		
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	1.628.601.058	511.973.827
- Thu nhập chịu thuế	26.974.388.183	19.059.035.351
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	20%	22%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.394.877.637	4.192.987.777
	<u>5.394.877.637</u>	<u>4.192.987.777</u>

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

Số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề
quận Long Biên, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
06 tháng đầu năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TỔNG HỢP)

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2015 và 31/12/2015.

Lập, Ngày 17 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu




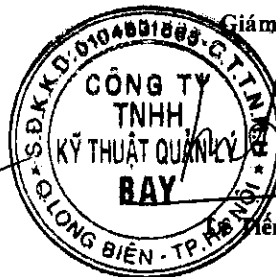
Uông Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Như Thành

Giám đốc



Nguyễn Văn Thịnh